SỞ GD&ĐT ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

(*Đề có 04 trang*)

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2021 - 2022
MÔN TOÁN – Khối lớp 10
Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên học sinh :..... Số báo danh : ..... **Mã đề 001**

Câu 1. Phương trình tham số của đường thẳng đi qua hai điểm A(2;3) và B(3;1) là:

A. $\begin{cases} x = 2 + t \\ y = 3 - 2t \end{cases}$ **B.** $\begin{cases} x = 2 - t \\ y = 3 - 2t \end{cases}$ **C.** $\begin{cases} x = 2 - 2t \\ y = 3 + t \end{cases}$ **D.** $\begin{cases} x = 3 + 2t \\ y = 1 + t \end{cases}$

Câu 2. Cho bất phương trình 4 – 2x < x + 1. Số nào sau đây thuộc tập nghiệm của bất phương trình?

A. 0 **B.** 1 **C.** -1 **D.** 2

Câu 3. Phương trình chính tắc của Elip có trục nhỏ bằng 8 và trục lớn bằng 10 là:

A. $\frac{x^2}{100} + \frac{y^2}{64} = 1$ **B.** $\frac{x^2}{25} + \frac{y^2}{16} = 1$ **C.** $\frac{x^2}{5} + \frac{y^2}{4} = 1$ **D.** $\frac{x^2}{10} + \frac{y^2}{8} = 1$

Câu 4. Cho $\sin a + \cos a = \frac{5}{4}$. Khi đó $\sin a.\cos a$ có giá trị bằng:

A. $\frac{5}{4}$ **B.** $\frac{3}{16}$ **C.** $\frac{9}{32}$ **D.** $\frac{9}{16}$

Câu 5. Biểu thức $A = \sin(\pi + x) - \cos(\frac{\pi}{2} - x) + \cot(2\pi - x) + \tan(\frac{3\pi}{2} - x)$ có biểu thức rút gọn là:

A. $A = 0$. **B.** 1. **C.** $A = -2\sin x$ **D.** $A = 2\sin x$.

Câu 6. Cho tam giác $ABC; AB = c, BC = a, AC = b$, m_a là độ dài đường trung tuyến kẻ từ đỉnh A. Hãy chọn mệnh đề ***SAI*** trong các mệnh đề sau?

A. $b^2 = a^2 + c^2 - 2ac.\cos B$. **B.** $b^2 = a^2 + c^2 + 2ac.\cos B$.

C. $\cos A = \frac{b^2 + c^2 - a^2}{2bc}$. **D.** $m_a^2 = \frac{b^2 + c^2}{2} - \frac{a^2}{4}$.

Câu 7. Cho tam giác $ABC; AB = c, BC = a, AC = b$, S là diện tích, R là bán kính đường tròn ngoại tiếp tam giác ABC. Công thức nào sau đây **SAI**?

A. $S = \frac{a.b.c}{R}$ **B.** $R = \frac{c}{2\sin C}$ **C.** $\frac{a}{\sin A} = \frac{b}{\sin B} = 2R$ **D.** $S = \frac{b.c.\sin A}{2}$

Câu 8. Đường tròn (C): $x^2 + y^2 + 2x - 4y - 4 = 0$ có tâm I, bán kính R là:

A. (1 ; –2), R = 1 **B.** I(–1 ; 2), R = 3
C. I(1 ; –2), R = 3 **D.** I(–1 ; 2), R = 1

Câu 9. Viết lại biểu thức P= $\sin x + \sin 5x$ dưới dạng tích ta được?

A. P = 2cos3x.sin2x **B.** P = sin6x
C. P = 2sin3x **D.** P = 2sin3x.cos2x

Câu 10. Cho đường tròn có đường kính bằng 12 (cm). Khi đó độ dài cung có số đo $\frac{2\pi}{3}$ (rad) là:

A. 4π (cm) **B.** $\frac{8\pi}{3}$ (cm) **C.** $\frac{4\pi}{3}$ (cm) **D.** 8π (cm)

Câu 11. Cho $\sin\alpha = \frac{3}{4}$. Khi đó $\cos 2\alpha$ bằng:

A. $\frac{1}{8}$. **B.** $\frac{\sqrt{7}}{4}$. **C.** $-\frac{1}{8}$. **D.** $-\frac{\sqrt{7}}{4}$.

Câu 12. Một cung có số đo là 36^0 khi đổi sang Radian sẽ bằng?

A. $\frac{\pi}{5}$ **B.** $\frac{\pi}{6}$ **C.** $\frac{\pi}{3}$ **D.** $\frac{\pi}{4}$

Câu 13. Tam giác ABC có các cạnh a, b, c thỏa mãn $(a+b+c)(a+b-c)=3ab$. Khi đó số đo góc C bằng

A. 60^0 **B.** 30^0 **C.** 120^0 **D.** 45^0

Câu 14. Với giá trị nào của *n* thì đẳng thức sau luôn đúng

$$\sqrt{\frac{1}{2}+\frac{1}{2}\sqrt{\frac{1}{2}+\frac{1}{2}\sqrt{\frac{1}{2}+\frac{1}{2}\cos x}}}=\cos\frac{x}{n},\ 0<x<\frac{\pi}{2}.$$

A. 4. **B.** 6. **C.** 8. **D.** 2.

Câu 15. Cho ΔABC có $B=60^0, a=8, c=5$. Độ dài cạnh b bằng:

A. 129 **B.** 7 **C.** 49 **D.** $\sqrt{129}$

Câu 16. Cho $\frac{1}{x}$ với $\sin\alpha$. Tìm khẳng định **ĐÚNG**?

A. $\sin\alpha=-\frac{3}{5}$ **B.** $\sin\alpha=\frac{3}{5}$ **C.** $\sin\alpha=\frac{3}{4}$ **D.** $\sin\alpha=-\frac{3}{4}$

Câu 17. Tập nghiệm của bất phương trình $\frac{x-1}{(x-2)(x^2-5x+4)}\ge 0$ là:

A. $[2;4]$. **B.** $(-\infty;2]\cup[4;+\infty)$.

C. $(-\infty;2)\cup(4;+\infty)\setminus\{1\}$. **D.** $(-\infty;2)\cup(4;+\infty)$.

Câu 18. Giải hệ bất phương trình $\begin{cases}2x+4>0\\3x-1\le 2x+1\end{cases}$ ta được:

A. $x>-2$ **B.** $-2\le x<2$ **C.** $-2<x\le 2$ **D.** $x\ge 2$

Câu 19. Đẳng thức nào sau đây SAI?

A. $\sin 2a=2\sin a.\cos a$ **B.** $\cos 2a=2\cos^2 a$ -1

C. $\cos 2a=\cos^2 a$ - $\sin^2 a$ **D.** $\sin 2a=\sin^2 a-\cos^2 a$

Câu 20. Đẳng thức nào sau đây **SAI**

A. $\cos a-\cos b=2\sin\frac{a+b}{2}.\sin\frac{a-b}{2}$ **B.** $\sin a-\sin b=2\cos\frac{a+b}{2}\sin\frac{a-b}{2}.$

C. $\cos a+\cos b=2\cos\frac{a+b}{2}.\cos\frac{a-b}{2}$ **D.** $\sin a+\sin b=2\sin\frac{a+b}{2}.\cos\frac{a-b}{2}$

Câu 21. Đường thẳng d: $\begin{cases}x=-2-3t\\y=3+4t\end{cases}$ có 1 VTCP là:

A. $(-3;4)$ **B.** $(4;3)$ **C.** $(4;-3)$ **D.** $(-3;-4)$

Câu 22. Xác định giá trị của a để góc tạo bởi hai đường thẳng $\begin{cases}x=2+at\\y=1-2t\end{cases}$ và đường thẳng $3x+4y+12=0$ một góc bằng 45^0.

A. $a=1; a=-14$ **B.** $a=\frac{2}{7}; a=14$ **C.** $a=-2; a=-14$ **D.** $a=\frac{2}{7}; a=-14$

Câu 23. Điều kiện có nghĩa của bất phương trình $\sqrt{2x^2-2}\le 3x+1$ là:

A. $3x+1\ge 0$ **B.** $2x^2-2\ge 0$ **C.** $\sqrt{2x^2-2}\ge 0$ **D.** $2x^2-2\ne 0$

Câu 24. Viết phương trình đường tròn có tâm I(1;-2) và bán kính R=3.

A. $(x-1)^2+(y+2)^2=9$ **B.** $(x+1)^2+(y-2)^2=3$

C. $(x-1)^2+(y+2)^2=3$ **D.** $(x+1)^2+(y-2)^2=9$

Câu 25. Cho $A(2;-5)$ và $d:3x-2y-9=0$. Tìm tọa độ hình chiếu H của A trên d.

A. $H\left(\frac{25}{13};-\frac{31}{13}\right)$. **B.** $H\left(-\frac{25}{13};\frac{31}{13}\right)$. **C.** $H\left(\frac{5}{13};\frac{51}{13}\right)$. **D.** $H\left(\frac{5}{13};-\frac{51}{13}\right)$.

Câu 26. Biểu thức $A=\frac{\sin x+\sin 3x+\sin 5x}{\cos x+\cos 3x+\cos 5x}$ được rút gọn thành:

A. $\tan 3x$. **B.** $\cot 3x$. **C.** $-\tan 3x$. **D.** $\cot x$.

Câu 27. Trong các công thức sau, công thức nào **ĐÚNG**?

A. sin2a = 2sina **B.** sin2a = 2 $\cos^2$a - 1

C. cos2a = 2cosa. **D.** cos2a = 1 – 2$\sin^2$a

Câu 28. Cho các số thực x, y, z > 0 thỏa mãn x + 2y + 3z = 20. Tìm giá trị nhỏ nhất của $P=x+y+z+\frac{3}{x}+\frac{9}{2y}+\frac{4}{z}$ là:

A. 10 **B.** 16 **C.** 13 **D.** 15

Câu 29. Khẳng định nào sau đây **SAI**:

A. $\sin(\frac{\pi}{2}-x)=\cos x$ **B.** $\tan(\frac{\pi}{2}-x)=\cot x$ **C.** $\cos(\pi-x)=\cos x$ **D.** $\sin(\pi-x)=\sin x$

Câu 30. Tập nghiệm của bất phương trình $2x-1>0$ là

A. $\left(-\infty;\frac{1}{2}\right)$. **B.** $\left(-\frac{1}{2};+\infty\right)$. **C.** $\left(-\infty;-\frac{1}{2}\right)$. **D.** $\left(\frac{1}{2};+\infty\right)$.

Câu 31. Cho tam thức bậc hai $f(x)=ax^2+bx+c(a\neq 0), \Delta=b^2-4ac$. Chọn mệnh đề **ĐÚNG** trong các mệnh đề sau.

A. Nếu $\Delta\leq 0$ thì f(x) luôn cùng dấu với hệ số hệ số a, với mọi $x\in\mathbb{R}$.

B. Nếu $\Delta<0$ thì f(x) luôn cùng dấu với hệ số hệ số a, với mọi $x\in\mathbb{R}$.

C. Nếu $\Delta>0$ thì f(x) luôn cùng dấu với hệ số hệ số a, với mọi $x\in\mathbb{R}$.

D. Nếu $\Delta\geq 0$ thì f(x) luôn cùng dấu với hệ số hệ số a, với mọi $x\in\mathbb{R}$.

Câu 32. Cặp số nào sau đây thuộc tập nghiệm của bất phương trình 2x – 3y + 6 < 0?

A. (1; -2022) **B.** (2021; -2022) **C.** (2022; 0) **D.** (2021; 2022)

Câu 33. Phương trình đường thẳng d đi qua điểm M(2, -3) và song song với đường thẳng $\Delta: 4x+3y-8=0$ là:

A. $d:4x+3y-5=0$. **B.** $d:3x-4y-5=0$. **C.** $d:4x+3y+1=0$. **D.** $d:3x-4y+1=0$.

Câu 34. Cho đường thẳng d: 2x – y + 5 = 0. PTĐT Δ đi qua điểm M(2;4) và vuông góc với một đường thẳng d:

A. $x+2y+10=0$ **B.** $x-2y-8=0$ **C.** $x-2y+8=0$ **D.** $x+2y-10=0$

Câu 35. Cho $\frac{\pi}{2}<\alpha<\pi$. Điều khẳng định nào sau đây là **ĐÚNG**?

A. $\cos\alpha>0$. **B.** $\tan\alpha<0$. **C.** $\cot\alpha>0$. **D.** $\sin\alpha<0$.

Câu 36. Nếu ba góc A,B,C của tam giác ABC thoả mãn $\sin A=\frac{\sin B+\sin C}{\cos B+\cos C}$ thì tam giác này:

A. Vuông tại B **B.** Vuông tại A **C.** Vuông tại C **D.** Đều

Câu 37. Biểu thức nào sau đây **KHÔNG PHẢI** là nhị thức bậc nhất?

A. $f(x)=x^2-1$ **B.** $f(x)=3-2x$ **C.** $f(x)=(m^2+1)x-3$ **D.** $f(x)=2x+3$

Câu 38. Cho cung lượng giác AM có số đo $\alpha = -\frac{8\pi}{3}$. Khi biểu diễn trên đường tròn lượng giác thì điểm M nằm trên góc phần tư nào?

A. Phần tư thứ IV **B.** Phần tư thứ II **C.** Phần tư thư III **D.** Phần tư thứ I

Câu 39. Đường thẳng d: $2x + y - 1 = 0$ có một vectơ pháp tuyến nào sau đây?

A. $\vec{n} = (2;1)$ **B.** $\vec{n} = (1;-2)$ **C.** $\vec{n} = (2;-1)$ **D.** $\vec{n} = (1;2)$

Câu 40. Tập nghiệm của bất phương trình $\frac{2x+3}{4} - \frac{x}{3} \le 0$ là:

A. $\left[-\frac{9}{2};+\infty\right)$. **B.** $\left(-\infty;-\frac{3}{2}\right]$. **C.** $\left(-\infty;-\frac{9}{2}\right]$. **D.** $\left[-\frac{3}{2};+\infty\right)$.

Câu 41. Tập nghiệm của bất phương trình $(2x-2)(3-x) \ge 0$ là:

A. $(-\infty;3]$ **B.** $[2;3]$. **C.** $[1;+\infty)$. **D.** $[1;3]$

Câu 42. Tính số nghiệm nguyên thuộc khoảng (0; 2022) của bất phương trình $(x+5)(x-2)+3\sqrt{x(x+3)} > 0$

A. 2020 **B.** 2019 **C.** 2021 **D.** 2018

Câu 43. Biết $\sin a = \frac{5}{13}$; $\cos b = \frac{3}{5}$ $(\frac{\pi}{2} < a < \pi;\ 0 < b < \frac{\pi}{2})$ Hãy tính $\sin(a+b)$.

A. $\sin(a+b) = 0$ **B.** $\sin(a+b) = \frac{56}{65}$ **C.** $\sin(a+b) = \frac{-33}{65}$ **D.** $\sin(a+b) = \frac{63}{65}$

Câu 44. Cho đường tròn (C) $(x-1)^2 + (y+2)^2 = 25$. Phương trình tiếp tuyến của đường tròn (C) tại điểm $M(5;1)$ là:

A. $4x+3y-15=0$ **B.** $4x+3y-10=0$ **C.** $4x+3y-23=0$ **D.** $4x+3y-20=0$

Câu 45. Đường tròn tâm I(2 ; –1), tiếp xúc đường thẳng Δ: 3x – 4y + 5 = 0 có phương trình là:

A. $(x-2)^2 + (y+1)^2 = 3$ **B.** $x^2 + y^2 - 4x + 2y - 4 = 0$

C. $(x+2)^2 + (y-1)^2 = 9$ **D.** $x^2 + y^2 - 4x + 2y + 4 = 0$

Câu 46. Cho biết cosa $= \frac{1}{3}$. Tính cos2a.

A. $\cos 2a = \frac{7}{9}$ **B.** $\cos 2a = \frac{-2}{3}$ **C.** $\cos 2a = \frac{2}{3}$ **D.** $\cos 2a = \frac{-7}{9}$

Câu 47. Viết phương trình của đường thẳng đi qua 2 điểm A(0 ; –5) và B(3 ; 0)

A. $\frac{x}{3} + \frac{y}{-5} = 1$ **B.** $\frac{x}{5} + \frac{y}{3} = 1$ **C.** $\frac{x}{5} + \frac{y}{-3} = 1$ **D.** $\frac{x}{-5} + \frac{y}{3} = 1$

Câu 48. Công thức nào sau đây **SAI**

A. $\sin(a-b) = \sin a.\cos b + \cos a.\sin b$ **B.** $\cos(a+b) = \cos a.\cos b - \sin a.\sin b$

C. $\cos(a-b) = \cos a.\cos b + \sin a.\sin b$ **D.** $\sin(a+b) = \sin a.\cos b + \cos a.\sin b$

Câu 49. Cho hai số a, b và a > b, khẳng định nào sau đây **SAI**?

A. a.c < b.c với c < 0 **B.** a + c > b + c với $\forall c \in R$

C. $a^2 > b^2$ **D.** a.c > b.c với c > 0

Câu 50. Cho $\cos\alpha$ với $\frac{3\pi}{2} < \alpha < 2\pi$, khi đó

A. $\cot\alpha = \frac{22}{7}$. **B.** $\cot\alpha = -\frac{7}{15}$. **C.** $\cot\alpha = \frac{7}{15}$. **D.** $\cot\alpha = \frac{15}{7}$.

------ HẾT ------

SỞ GD&ĐT ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

(*Không kể thời gian phát đề*)

ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2021-2022
MÔN TOÁN – Khối lớp 10
Thời gian làm bài : 90 phút

Phần đáp án câu trắc nghiệm:
Tổng câu trắc nghiệm: 50.

Mã đề / Câu	*001*	*002*	*003*	*004*	*005*	*006*	*007*	*008*
1	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] D
2	[0.2] D	**[0.2] -**	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] A
3	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] B
4	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] A
5	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] A	**[0.2] -**	[0.2] B
6	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] D
7	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] C
8	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] A
9	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] A
10	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] B
11	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] C
12	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] D
13	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] A	**[0.2] -**	[0.2] D	[0.2] A
14	[0.2] C	**[0.2] -**	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] C
15	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] C
16	**[0.2] -**	[0.2] B	**[0.2] -**	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] B
17	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] B
18	[0.2] C	[0.2] B	**[0.2] -**	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] A
19	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] A
20	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D
21	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] B	**[0.2] -**
22	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D
23	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A
24	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] B	**[0.2] -**	[0.2] B	[0.2] B
25	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] B
26	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] A
27	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] C
28	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] D
29	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] B
30	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] A	**[0.2] -**	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] D
31	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D
32	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] C
33	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] C	**[0.2] -**	[0.2] C	**[0.2] -**	[0.2] C

Mã đề / Câu	*001*	*002*	*003*	*004*	*005*	*006*	*007*	*008*
34	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] C	**[0.2] -**
35	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] D
36	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A
37	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] C
38	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] D
39	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] D
40	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] B
41	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] C
42	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] C
43	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] D
44	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] A	**[0.2] -**	[0.2] C	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] B
45	[0.2] B	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D
46	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] A
47	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] B
48	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] D	[0.2] B	[0.2] C
49	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] C	[0.2] D	[0.2] A	[0.2] A	[0.2] B	[0.2] C
50	**[0.2] -**	[0.2] C	[0.2] C	**[0.2] -**	[0.2] C	[0.2] A	[0.2] D	[0.2] B